

Bản án số: 28/2023/DS-ST

Ngày: 19-4-2023

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH BẾN TRE**

- *Knh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Mai Thị Nhắc.

2. Ông Châu Văn Bảy.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Lanh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2023/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2023/QĐST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị Hồng Q, sinh năm: 1989.

Ông Nguyễn Nhựt T, sinh năm: 1982.

Cùng địa chỉ: Khu phố 3, phường T, Knh phố BT, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn K, sinh năm: 1981.

Đăng ký thường trú: Ấp TH, xã MĐ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: Ấp TH, xã TT, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Bùi Thị Diễm Q, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Ấp TH, xã TT, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, bà Đỗ Thị Hồng Q, ông Nguyễn Nhựt T có mặt; ông Nguyễn Văn K, bà Bùi Thị Diễm Q vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Nhựt T và bà Đỗ Thị Hồng Q cùng trình bày:

Do là chỗ quen biết nên ông bà có cho ông Nguyễn Văn K và Bùi Thị Diễm Q vay tiền hai lần, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 10/01/2022, ông K và bà Q vay số tiền 870.000.000 đồng, mục đích vay để làm vốn kinh doanh, các bên không thỏa thuận về lãi suất, thời hạn vay là khi nào bên cho vay có nhu cầu nhận lại tiền thì bên vay có nghĩa vụ hoàn lại tiền trong thời hạn 30 ngày làm việc. Việc các bên thỏa thuận được lập Knh tờ “Hợp đồng mượn tiền” ghi ngày 10/01/2022, ông K có ký tên xác nhận nợ và có sự làm chứng của ông Phan Văn Khương. Ông K đã nhận đủ số tiền 870.000.000 đồng vào ngày 10/01/2022.

- Lần 2: Ngày 13/01/2022, ông K và bà Q tiếp tục vay số tiền 150.000.000 đồng, mục đích vay để làm vốn kinh doanh, các bên không thỏa thuận về lãi suất, thời hạn vay là khi nào bên cho vay có nhu cầu nhận lại tiền thì bên vay có nghĩa vụ hoàn lại tiền trong thời hạn 03 ngày làm việc. Việc các bên thỏa thuận được lập Knh tờ “Hợp đồng mượn tiền” ghi ngày 13/01/2022, ông K có ký tên xác nhận nợ và có sự làm chứng của ông Nguyễn Thái Ngọc. Ông K đã nhận đủ số tiền 150.000.000 đồng vào ngày 13/01/2022.

Đến khi ông bà có nhu cầu nhận lại số tiền đã cho vay nên thông báo cho ông K và bà Diễm Q biết. Tuy nhiên, đến hạn trả tiền theo thỏa thuận thì ông K và bà Diễm Q không trả lại tiền, ông bà đã nhiều lần liên hệ để yêu cầu trả tiền nhưng ông K và bà Diễm Q cứ hứa hẹn mà không thực hiện. Từ khi vay đến nay, ông K và bà Diễm Q chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản tiền nào cho ông bà.

Tại phiên tòa, ông bà xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà Bùi Thị Diễm Q có nghĩa vụ liên đới cùng ông Nguyễn Văn K trả số tiền vay là 1.020.000.000 đồng.

Nay ông bà yêu cầu ông Nguyễn Văn K có nghĩa vụ trả số tiền vay gốc là 1.020.000.000 đồng (Một tỷ không trăm hai mươi triệu đồng), không yêu cầu tính tiền lãi.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Thị Diễm Q vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến về những nội dung có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:
 - + Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.
 - + Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 72 và 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Kiểm sát viên trình bày ý kiến phát biểu về nội dung và đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ vào các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Nhựt T và bà Đỗ Thị Hồng Q, cụ thể:

+ Buộc ông Nguyễn Văn K có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Nhựt T và bà Đỗ Thị Hồng Q số tiền vay gốc là 1.020.000.000 đồng (Một tỷ không trăm hai mươi triệu đồng), ghi nhận ông Nguyễn Nhựt T và bà Đỗ Thị Hồng Q không yêu cầu tính tiền lãi.

+ Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Nhựt T và bà Đỗ Thị Hồng Q về việc buộc bà Bùi Thị Diễm Q liên đới cùng ông Nguyễn Văn K có nghĩa vụ trả nợ vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quyền khởi kiện: Ông Nguyễn Nhựt T, bà Đỗ Thị Hồng Q cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm bởi hợp đồng vay tài sản giữa ông bà với ông Nguyễn Văn K, bà Bùi Thị Diễm Q nên khởi kiện. Căn cứ khoản 2 Điều 68, Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì ông T, bà Hồng Q có quyền khởi kiện.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Nguyễn Nhựt T, bà Đỗ Thị Hồng Q khởi kiện yêu cầu bà ông Nguyễn Văn K và bà Bùi Thị Diễm Q có nghĩa vụ trả tiền vay theo thỏa thuận vay tài sản giữa các bên. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[1.3] Về thẩm quyền của Tòa án giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Văn K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Diễm Q có địa chỉ nơi cư trú tại huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

[1.4] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Văn K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Diễm Q đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn K, bà Bùi Thị Diễm Q theo quy định tại các điều 207, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Nguyên đơn ông Nguyễn Nhựt T, bà Đỗ Thị Hồng Q khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn K có nghĩa vụ trả số tiền đã vay là 1.020.000.000 đồng. Ông T và bà Hồng Q căn cứ vào: “Hợp đồng mượn tiền” ghi bên cho mượn bà Đỗ Thị Hồng Q và ông Nguyễn Nhựt T, bên mượn ông Nguyễn Văn K đề ngày 10/1/2022 có nội dung mượn số tiền 870.000.000đ (Tám trăm bảy chục triệu chẵn) và “Hợp đồng mượn tiền” ghi bên cho mượn bà Đỗ Thị Hồng Q và ông Nguyễn Nhựt T, bên mượn ông Nguyễn Văn K đề ngày 13/01/2022 có nội dung mượn số tiền 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu chẵn), có chữ ký và chữ viết của ông Nguyễn Văn K để khởi kiện.

Ngày 21/7/2022, bà Q có đơn yêu cầu trung cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Văn K đối với “Hợp đồng mượn tiền” đề ngày 10/01/2022 và “Hợp đồng mượn tiền” đề ngày 13/01/2022 nêu trên. Căn cứ vào Kết luận giám định số: 418/2022/KL-KTHS ngày 15/9/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Bến Tre xác định chữ ký, chữ viết ghi “Nguyễn Văn K” dưới mục “Đại diện bên B” và chữ ký góc dưới bên phải mặt trước trên 02 (hai) “Hợp đồng mượn tiền” ghi bên cho mượn là bà Đỗ Thị Hồng Q và ông Nguyễn Nhựt T, bên mượn là ông Nguyễn Văn K đề ngày 10/1/2022, đề ngày 13/01/2022 so với mẫu chữ ký, chữ viết trên các mẫu tài liệu so sánh là do ông Nguyễn Văn K ký tên và viết họ tên. Từ chứng cứ nêu trên, việc ông T và bà Hồng Q cho ông K vay tổng số tiền 1.020.000.000 đồng là có thật. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các tài liệu chứng cứ, thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông K nhưng ông K không gửi cho Tòa án văn bản nào trình bày ý kiến cũng như không tham gia các lần hòa giải. Do đó, buộc ông K có nghĩa vụ trả cho ông T, bà Hồng Q số tiền vay là 1.020.000.000 đồng (Một tỷ không trăm hai mươi triệu đồng).

[2.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà Bùi Thị Diễm Q liên đới cùng ông Nguyễn Văn K có nghĩa vụ trả nợ vay. Xét thấy, đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn nên ghi nhận.

[2.3] Nguyên đơn không yêu cầu tính tiền lãi nên ghi nhận.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[4] Về chi phí thu thập chứng cứ: Chi phí trung cầu giám định là 1.800.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông K phải chịu chi phí thu thập chứng cứ là 1.800.000 đồng. Bà Hồng Q đã nộp số tiền tạm ứng nên ông K có nghĩa vụ trả lại số tiền nêu trên cho bà Hồng Q.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 161; Điều 162; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các điều 26, 27 của Nghị Quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Nhựt T và bà Đỗ Thị Hồng Q, cụ thể:

Buộc ông Nguyễn Văn K có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Nhựt T và bà Đỗ Thị Hồng Q số tiền vay là 1.020.000.000 đồng (Một tỷ không trăm hai mươi triệu đồng), ghi nhận ông Nguyễn Nhựt T và bà Đỗ Thị Hồng Q không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Nhựt T và bà Đỗ Thị Hồng Q về việc buộc bà Bùi Thị Diễm Q liên đới cùng ông Nguyễn Văn K có nghĩa vụ trả nợ vay.

3. Về chi phí thu thập chứng cứ:

Ông Nguyễn Văn K phải chịu chi phí thu thập chứng cứ là 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng). Do bà Đỗ Thị Hồng Q đã nộp chi phí tạm ứng nên ông Nguyễn Văn K có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Đỗ Thị Hồng Q số tiền 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 42.600.000 đồng (Bốn mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

Trả lại cho ông Nguyễn Nhựt T và bà Đỗ Thị Hồng Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.300.000 đồng (Hai mươi một triệu ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005720 ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Hồng Dân